

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2019/DS-PT
Ngày: 27-8-2019
V/v “Tranh chấp yêu cầu chia
di sản thừa kế theo pháp luật”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Bùi Hữu Nhân

Ông Nguyễn Duy Hoài

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đạt Nguyên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng; xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 40/2019/TLPT-DS ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp: “Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 01/2019/DS-ST ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 86/2019/QĐ-PT ngày 04 tháng 4 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 74/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 4 năm 2019, Thông báo về việc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm vụ án Dân sự số 691/TB-PT ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Cụ Đỗ Thị D, sinh năm: 1932; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm: 1970; cư trú tại số 297 (số mới) đường HBT, Phường F, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, Luật sư của Văn phòng luật sư TP - Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Bị đơn: Bà Đào Thanh P, sinh năm: 1968; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đào Đức T, sinh năm: 1995; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đào Thanh P, sinh năm: 1968; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 465, quyền số 01/2019-SCT/CK, ĐC do Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố X chứng thực ngày 12/4/2019), có mặt.

2. Anh Đào Đức T1, sinh năm: 2003; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đào Thanh P, sinh năm: 1968; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, là người đại diện theo pháp luật (mẹ ruột của anh T1), có mặt.

3. Bà Đào Thị H2, sinh năm: 1967; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Bích T3, sinh năm: 1988; cư trú tại số 31/3, đường A, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

Người kháng cáo: bà Đào Thanh P – Bị đơn, anh Đào Đức T - Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của cụ Đỗ Thị D, lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm của bà Đào Thị H2, người đại diện của nguyên đơn thì:

Nguồn gốc đất thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 58 có tổng diện tích là 218,97m², trên đất có một căn nhà xây có diện tích 149,65m² tọa lạc tại số 31/3, đường Đồng Tâm (nay là đường A), Phường B, thành phố X là của cụ Đỗ Thị D và cụ Đào Đức M (chết năm 1979), đã được Ủy ban nhân dân thành phố X cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 ngày 19/10/2004 đứng tên cụ D, cụ M (đã chết). Ngày 16/8/2014 cụ D cùng các con trong gia đình lập văn bản phân chia tài sản thừa kế; sau đó cụ D lập hợp đồng cho tặng toàn bộ căn nhà và diện tích đất trên cho con trai là Đào Đức S, ông S đã được cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký biến động tại trang IV của Giấy chứng nhận vào ngày 03/9/2014.

Đến ngày 17/02/2016 ông S bị bệnh hiểm nghèo nên qua đời, trước khi chết ông S không để lại di chúc, ông S có vợ tên Đào Thanh P và có hai người con tên Đào Đức T và Đào Đức T1, ngoài 2 người con này thì ông S không có con riêng hay con nuôi nào khác. Nay cụ D là hàng thừa kế thứ nhất yêu cầu được chia một phần di sản do ông Đào Đức S chết để lại theo quy định của pháp luật và yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sở

hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004 và thay đổi chủ mới vào ngày 03/9/2014, đối với phần tiền chênh lệch cụ D sẽ có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Đào Thanh P và hai con của bà là anh Đào Đức T và anh Đào Đức T1.

- Theo lời trình bày của bà Đào Thanh P thì bà và ông S kết hôn năm 1994, vợ chồng có hai người con tên Đào Đức T và Đào Đức T1, ông S không có con riêng hay con nuôi nào khác, sau khi kết hôn thì bà nhập hộ khẩu với gia đình ông S tại số 31/3, đường Đồng Tâm (nay là đường A), Phường B, thành phố X từ đó đến nay là 23 năm. Vào năm 2000 mẹ chồng bà là cụ D có đồng ý cho bà xây một dãy trọ ở phía sau căn nhà mà gia đình đang ở, sau đó em của ông S tên bà Đào Thị H2 đã lấy chồng nhưng chuyển về sống mà không có nhà ở nên gia đình đã họp lại và yêu cầu bà giao dãy nhà trọ cho bà H2 sinh sống, còn vợ chồng và các con bà ở chung với mẹ chồng (cụ D) và có trách nhiệm chăm sóc phụng dưỡng cụ, khi nào cụ qua đời thì vợ chồng cụ được hưởng toàn bộ diện tích nhà và quyền sử dụng đất này. Năm 2013 chồng bà phát bệnh, đến năm 2014 cụ D và các anh chị em trong gia đình ra công chứng làm thủ tục tặng cho ông Đào Đức S toàn bộ diện tích nhà và quyền sử dụng đất thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 58 có tổng diện tích là 218,97m², trên đất có một căn nhà xây với diện tích 149,65m² tọa lạc tại số 31/3, đường Đồng Tâm, Phường B, thành phố X, đến năm 2016 thì ông S chết, khi chết ông S không để lại di chúc. Giữa năm 2016 cụ D đồng ý để bà xây thêm 1 căn nhà mới với diện tích 100m² ở khoảng sân trống kế ngôi nhà cũ, trong thời gian xây dựng, hoàn thành, đến khi về ở cũng không có ai tranh chấp, căn nhà cũ bà mở bán tạp hóa từ khi ông S còn sống cho đến nay vẫn tiếp tục bán, khi chuyển về nhà mới ở được một thời gian thì các anh chị em trong gia đình muốn cụ D chuyển về sống tại căn nhà cũ, bà không đồng ý, 2 bên có mời cha xứ xuống để hòa giải, khuyên can nhưng không có kết quả, cụ D chuyển về sống trong căn phòng ở căn nhà cũ, lúc này bà và mẹ chồng vẫn chung sống hòa thuận, nhưng với các anh chị em trong gia đình chồng thì có xích mích, mâu thuẫn nên mới xảy ra việc khởi kiện.

Nay cụ D yêu cầu được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị nhà và đất trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004 và được thay đổi chủ mới vào ngày 03/9/2014 và thanh toán số tiền chênh lệch đối với di sản do chồng bà là ông S chết để lại bà không đồng ý.

- Theo lời trình bày của bà Đào Thị H2 trình bày thì vào năm 2010 mẹ của bà là cụ D cùng các anh chị em trong gia đình có cho bà một phần đất có diện tích là 45m² trong tổng diện tích đất mà cha mẹ là cụ M (đã chết) và cụ D được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004 và thay đổi chủ mới vào ngày

03/9/2014. Sau đó bà chuyển nhượng một phần diện tích đất này cho bà Y, bà Y chuyển nhượng lại cho bà T3.

Nay mẹ bà (cụ D) khởi kiện bà Đào Thanh P yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Đào Đức S đã chết để lại, bà đề nghị Tòa án xem xét đảm bảo quyền lợi cho bà được đồng sử dụng theo phần trong Giấy chứng nhận trong trường hợp không tách được sổ.

- Theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị Bích T3 thì lô đất có diện tích 29,75m² có nguồn gốc do bà nhận chuyển nhượng của bà Y vào năm 2014, bà Y nhận chuyển nhượng của bà H2 (giấy tờ mua viết tay). Đối chiếu họa đồ đo vẽ hiện trạng sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X thực hiện ngày 05/02/2018 và Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004 cho cụ Đỗ Thị D, cụ Đào Đức M (đã chết) thì phần diện tích bà đang sử dụng đã được tách riêng không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở vừa nêu. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án mà diện tích đất của bà còn nằm 1 phần trong giấy chứng nhận trên thì bà yêu cầu được tách sổ, trường hợp không được tách sổ thì bà yêu cầu được đồng sở hữu theo phần.

Tại Bản án số 01/2019/DS-ST ngày 07/01/2019; Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

Chấp nhận yêu cầu của cụ Đỗ Thị D khởi kiện tranh chấp “Chia tài sản thừa kế theo pháp luật” đối với bà Đào Thanh P.

Xác định người thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Đào Đức S gồm có: cụ Đỗ Thị D, bà Đào Thanh P, anh Đào Đức T và anh Đào Đức T1.

Xác định di sản của ông Đào Đức S để lại là: quyền sử dụng 1 phần diện tích đất 180,92m² (vị trí số 1,2 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X thực hiện ngày 15/01/2018) trên đất có 1 căn nhà xây với diện tích 63,50m² thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 58 tọa lạc tại số 31/3, đường Đồng Tâm, Phường B, thành phố X. Theo kết quả thẩm định giá do Công ty trách nhiệm hữu hạn giám định và thẩm định giá Thương Tín thẩm định trong đó đất có giá trị 15.000.000đ/m² = 2.714.700.000đ, nhà gắn liền với đất trị giá 63.500.000đ, tổng cộng 2.778.200.000đ, mỗi người thừa kế được hưởng ¼ di sản của ông S, được nhận 694.550.000đ.

Giao cho cụ Đỗ Thị D và bà Đào Thị H2, bà Nguyễn Thị Bích T3 được quyền sử dụng chung một phần đất và tài sản gắn liền với đất (vị trí 2,3,4 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X thực hiện ngày 15/01/2018) và theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004 và được

thay đổi chủ mới vào ngày 03/9/2014 (trong đó phần của cụ D ở vị trí 2, phần của bà H2 ở vị trí 3, phần của bà T3 ở vị trí số 4 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng).

Cụ Đỗ Thị D có trách nhiệm thanh toán lại cho bà Đào Thanh P, anh Đào Đức T và anh Đào Đức T1 số tiền 450.450.000đ.

Giao cho bà Đào Thanh P, anh Đào Đức T và anh Đào Đức T1 được quyền sử dụng một phần đất có diện tích 108,82m² trên đất (vị trí số 1 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X thực hiện ngày 15/01/2018) theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí, lãi suất, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 21/01/2019 bà Đào Thanh P và anh Đào Đức T có đơn kháng cáo yêu cầu giao cho bà P và anh Đào Đức T, anh Đào Đức T1 diện tích đất 108,82m² ở vị trí số 1 và diện tích đất 26,87m² ở vị trí số 2 theo họa đồ đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X ngày 15/01/2018.

Tại phiên tòa,

Bà Đào Thanh P vẫn giữ nguyên kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thanh P và anh Đào Đức T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xuất phát từ việc cụ Đỗ Thị D, là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Đào Đức S, khởi kiện yêu cầu được hưởng ½ giá trị nhà và quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do UBND thành phố X cấp ngày 19/10/2004 và thay đổi chủ mới vào ngày 03/9/2014 là di sản do ông Đào Đức S để lại theo quy định của pháp luật. Bị đơn không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “*Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật*” là phù hợp với các quy định của pháp luật.

[2] *Về tố tụng:* cụ Đỗ Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo thủ tục chung.

[3] Qua xem xét thì thấy rằng:

[3.1] Xét về hàng thừa kế: Theo hồ sơ thể hiện thì ông Đào Đức S, sinh năm 1960, chết ngày 17/02/2016; có cha là cụ Đào Đức M, chết vào năm 1979; mẹ là cụ Đỗ Thị D, sinh năm 1932; vợ là bà Đào Thanh P, sinh năm: 1968 và 02 con là anh Đào Đức T, sinh năm: 1995; anh Đào Đức T1, sinh năm: 2003; ngoài ra giữa ông S và bà P không có con riêng hay con nuôi nào khác. Năm 2016 ông Đào Đức S chết không để lại di chúc; không ai tranh chấp về diện và hàng thừa kế nên căn cứ vào Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 cần xác định những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất và được hưởng di sản của ông Đào Đức S gồm: cụ D, bà P, anh T, anh T1.

[3.2] Xét về di sản thừa kế: Nguồn gốc lô đất thuộc thửa số 115, tờ bản đồ số 58 có tổng diện tích 218,97m² và tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây diện tích 149,65m² tọa lạc tại số 31/3, đường Đồng Tâm, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng là của cụ Đỗ Thị D và cụ Đào Đức M (chết năm 1979); hai cụ đã được Ủy ban nhân dân thành phố X, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 ngày 19/10/2004. Đến năm 2014 cụ D cùng các con trong gia đình đã lập thủ tục thừa kế và tặng cho toàn bộ diện tích nhà, quyền sử dụng đất nói trên cho ông Đào Đức S, đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố X điều chỉnh tên người sử dụng vào ngày 03/9/2014.

Tuy nhiên trong diện tích đất cụ D cho ông S thì trước đó vào năm 2010 cụ D cùng ông S và các anh em trong gia đình đã lập văn bản cho bà H2 một phần đất có diện tích 45m². Sau đó bà H2 đã chuyển nhượng một phần diện tích đất này cho bà Y, bà Y chuyển nhượng lại cho bà T3. Hiện nay bà H2 chỉ còn sử dụng 11,45m² (vị trí số 3 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất), bà T3 sử dụng diện tích đất 35,79m² (vị trí số 4 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất), các bên không tranh chấp phần này nên không đề cập, do vậy cần xác định di sản của ông S để lại gồm: Quyền sử dụng đất có diện tích 180,92m² (vị trí số 1, 2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất) và tài sản gắn liền với đất là căn nhà có diện tích 63,50m² tại đường Đồng Tâm, Phường B, thành phố X, tỉnh Lâm Đồng (đã trừ phần đất của bà H2 và bà T3). Đối với căn nhà có diện tích xây dựng là 78,11m², diện tích sàn là 241,62m² được bà P xây dựng sau khi ông S chết, cần xác định đây là tài sản riêng của bà P nên không đề cập.

Theo bà P thì quyền sử dụng đất thuộc thửa đất 115, tờ bản đồ số 58 và tài sản gắn liền với đất là tài sản chung của bà và ông S do tài sản của cụ D cho ông S là trong thời kỳ hôn nhân; đồng thời năm 2000 cụ D đã đồng ý cho vợ chồng bà xây dãy phòng trọ, sau đó do bà H2 không có nhà ở nên gia đình đã hợp gia nhà trọ cho bà H2 sinh sống; còn vợ chồng ông S, bà P có trách nhiệm ở chung với cụ D phụng dưỡng, chăm sóc cho đến khi cụ D qua đời thì vợ chồng ông S, bà P được hưởng toàn bộ diện tích nhà và quyền sử dụng đất này tuy nhiên bà P không đưa ra được chứng cứ, chứng minh; trong khi đó theo nội dung của Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Văn phòng công chứng X công

chứng ngày 16/8/2014 (số công chứng 2620, quyển số 09 TP/CC-SCC/HĐGD) thì cụ D chỉ cho một mình ông S toàn bộ căn nhà và quyền sử dụng đất nói trên, bà P cũng không xuất trình được chứng cứ có việc nhập tài sản riêng của ông S vào tài sản chung của vợ chồng theo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều 46 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên việc trình bày của bà P là không có cơ sở để xem xét. Nay cụ D yêu cầu chia di sản thừa kế của ông S để lại là có căn cứ chấp nhận.

[4] Theo kết quả định giá tại giai đoạn sơ thẩm thì giá trị tài sản tranh chấp là 2.777.300.000đ; bao gồm căn nhà trị giá 63.500.000đ, lô đất trị giá 2.713.800.000đ ($180,92\text{m}^2 \times 15.000.000\text{đ}/\text{m}^2$); cấp sơ thẩm căn cứ vào kết quả định giá vừa nêu để tính toán giá trị di sản thừa kế do ông S để lại là phù hợp; tuy nhiên cấp sơ thẩm lại tính sai diện tích đất được chia ($180,92\text{m}^2$ thành $180,98\text{m}^2$) dẫn đến tính toán sai giá trị quyền sử dụng đất (từ 2.713.800.000đ thành 2.714.700.000đ) nên cần tính lại phần này; cụ thể giá trị một kỷ phần mà các đồng thừa kế được hưởng là 694.325.000đ.

[5] Xét thấy hiện nay cụ D đã già yếu, hiện đang quản lý, sử dụng căn nhà có diện tích $63,50\text{m}^2$ tọa lạc trên lô đất có diện tích $72,10\text{m}^2$, ngoài ra không có nơi ở nào khác nên cấp sơ thẩm giao cho cụ D phần tài sản vừa nêu là phù hợp. Việc bà P và các con kháng cáo yêu cầu được nhận thêm diện tích đất $26,87\text{m}^2$ (theo kết quả đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X ngày 10/7/2019 là $23,73\text{m}^2$, trong đó có $3,52\text{m}^2$ thuộc chỉ giới; ở vị trí số 1) thì thấy rằng theo họa đồ thể hiện thì phần diện tích đất mà bị đơn xin nhận nằm phía trước và giáp phần đất mà cụ D nhận (phần số 2 theo họa đồ đo vẽ ngày 10/7/2019), bên cạnh có một lối đi vào rất nhỏ (có chiều ngang là 1,08m, sau đó giảm dần), trong trường hợp giao cho bà P và các con phần này thì lối vào phần nhà, quyền sử dụng đất mà cụ D được giao rất hẹp, phía sau giáp nhà, quyền sử dụng đất của bà H2 và bà T3, không đảm bảo cho việc thực hiện quyền sở hữu nhà, quyền sử dụng đất của cụ D nên kháng cáo của bà P và các con là không có cơ sở chấp nhận; nên cần tiếp tục giao phần quyền sử dụng đất có ký hiệu số 1 (theo họa đồ đo vẽ ngày 10/7/2019) cho cụ D sử dụng.

Xét tổng tài sản mà cụ D được nhận có giá trị là 1.145.000.000đ, cao hơn giá trị một kỷ phần mà các đồng thừa kế được nhận nên cần buộc cụ D phải thanh toán lại cho bà P giá trị của tài sản nhận chênh lệch được nhận là 450.675.000đ ($1.145.000.000\text{đ} - 694.325.000\text{đ}$).

Đối với lô đất có diện tích $108,82\text{m}^2$ và tài sản là căn nhà do bà P xây dựng sau khi ông S chết có diện tích $78,11\text{m}^2$ hiện nay bà P và các con đang quản lý, sử dụng nên cần tiếp tục giao cho bà P và các con quản lý, sở hữu, sử dụng là phù hợp.

[6] Đối với diện tích đất hiện nay bà H2, bà T3 đang quản lý, sử dụng thì theo Quyết định 33/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm

Đồng thì không đủ điều kiện để chia tách thửa, cấp sơ thẩm giao bà H2, bà T3 được đồng sử dụng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở với cụ D là có căn cứ.

[7] Ngoài ra còn một phần diện tích nhà và quyền sử dụng đất nằm trong chỉ giới hẻm gắn liền với phần nhà, quyền sử dụng đất đã chia cho cụ D, bà P; nên phần nhà và quyền sử dụng đất nói trên gắn với phần nhà, quyền sử dụng đất của người nào thì người đó tạm thời sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai.

[8] Cấp sơ thẩm xác định anh Đào Đức T, anh Đào Đức T1 là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S và đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp. Theo hồ sơ thể hiện thì anh T đã trên 18 tuổi, còn bà P là người đại diện theo pháp luật của anh T1. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì trong trường hợp muốn được hưởng 01 kỷ phần di sản thừa kế của ông S để lại, anh T và bà P (người đại diện theo pháp luật của anh T1) phải có đơn yêu cầu độc lập, anh T phải đóng tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm để Tòa án xem xét nhưng các đương sự vừa nêu không thực hiện theo quy định tại điều luật vừa viện dẫn, cấp sơ thẩm chia cho anh T và anh T1 mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế đối với di sản do ông S để lại là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, do vậy cần hủy một phần Bản án sơ thẩm về việc giải quyết chia di sản thừa kế cho anh T và anh T1, đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với phần giải quyết này. Tạm giao phần di sản thừa kế mà anh T và anh T1 được hưởng cho bà P quản lý, trong trường hợp sau này các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[9] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết tại giai đoạn sơ thẩm, cụ D có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản hết 20.425.000đ, đã được Tòa án nhân dân thành phố X quyết toán xong. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ D nên mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ chi phí nói trên là phù hợp, cần buộc bà P phải thanh toán cụ D số tiền 10.206.000đ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bà P có yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ và đo vẽ lại diện tích đất tranh chấp, chi phí hết 5.736.000đ, đã được Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết toán xong. Do kháng cáo không được chấp nhận nên cần buộc bà P chịu toàn bộ chi phí này là có căn cứ.

[10] Từ phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thanh P, anh Đào Đức T; sửa Bản án sơ thẩm theo hướng đã nhận định.

[11] Ngoài ra ông S chết ngày 17/02/2016, thời điểm này Bộ luật Dân sự năm 2005 đang có hiệu lực pháp luật, cấp sơ thẩm áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, có hiệu lực pháp luật ngày 01/01/2017 để giải quyết là không chính xác, cần sửa lại phần này.

[12] Về án phí:

Các đương sự phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị tài sản được nhận, tuy nhiên do cụ Đỗ Thị D, sinh năm 1932; tính đến thời điểm xét xử đã trên 60 tuổi và thuộc trường hợp người cao tuổi do đó căn cứ Điểm đ, Khoản 1, Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho cụ D.

Bà P phải chịu 31.773.000đ án phí Dân sự sơ thẩm (20.000.000đ + 294.325.000đ x 4%).

Do sửa án nên bà P, anh T không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Khoản 2, 4 Điều 308, các Khoản 1, 2 Điều 157, Khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 674, 675, 676, 685 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Khoản 6 Điều 15, Điểm a Khoản 7 Điều 27, Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thanh P và anh Đào Đức T, sửa Bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của cụ Đỗ Thị D về việc “*Tranh chấp yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật*” đối với bà Đào Thanh P.

2. Xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Đào Đức S gồm: cụ Đỗ Thị D, bà Đào Thanh P, anh Đào Đức T và anh Đào Đức T1.

3. Xác định di sản của ông Đào Đức S để lại là: căn nhà có diện tích 63,50m² tọa lạc trên lô đất có diện tích 180,92m² (vị trí số 1, 2 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X thực hiện ngày 15/01/2018) thuộc thửa 115, tờ bản đồ số 58 tọa lạc tại số 31/3, đường Đồng Tâm (nay là đường A), Phường B, thành phố X. Tổng giá trị di sản thừa kế là 2.777.300.000đ.

4. Cụ Đỗ Thị D được quyền sở hữu căn nhà có diện tích 63,50m² tọa lạc trên lô đất có diện tích 72,10m² thuộc 01 phần thửa 115, tờ bản đồ số 58-D93-I-B-c (ký hiệu số 2 trên họa đồ đo vẽ ngày 15/01/2018), thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004, đăng ký biến động sang tên ông S ngày

03/9/2014. Cụ D được tạm sử dụng phần nhà, quyền sử dụng đất thuộc chỉ giới hẻm giáp với nhà, quyền sử dụng lô đất nói trên có diện tích 3,52m².

Bà Đào Thị H2, bà Nguyễn Thị Bích T3 được quyền đứng tên đồng sử dụng theo phần đối với một phần đất và tài sản gắn liền với đất cùng với cụ Đỗ Thị D (vị trí 2,3,4 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng, trong đó phần của cụ D ở vị trí 2, phần của bà H2 ở vị trí 3, phần của bà T3 ở vị trí số 4 theo họa đồ đo vẽ hiện trạng do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X thực hiện ngày 15/01/2018).

5. Bà Đào Thanh P được quyền sở hữu căn nhà có diện tích xây dựng là 78,11m², diện tích sàn là 163,51m² tọa lạc trên lô đất có diện tích 108,82m² thuộc 01 phần thửa 115, tờ bản đồ số 58-D93-I-B-c (ký hiệu số 1 trên họa đồ), thuộc một phần Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 4201041040 do Ủy ban nhân dân thành phố X cấp ngày 19/10/2004, đăng ký biến động sang tên ông S ngày 03/9/2014. Bà P được tạm sử dụng phần quyền sử dụng đất thuộc chỉ giới hẻm giáp với nhà, quyền sử dụng lô đất nói trên có diện tích 3,78m².

(Tất cả có họa đồ đo vẽ hiện trạng quyền sử dụng đất do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố X thực hiện ngày 15/01/2018 kèm theo).

6. Buộc cụ Đỗ Thị D phải thanh toán cho bà Đào Thanh P số tiền 450.675.000đ (bốn trăm năm mươi triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

7. Cụ Đỗ Thị D, bà Đào Thanh P, bà Đào Thị H2, bà Nguyễn Thị Bích T3 có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà, quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

8. Hủy phần quyết định của Bản án sơ thẩm về việc chia di sản thừa kế cho anh Đào Đức T, anh Đào Đức T1. Đình chỉ xét xử vụ án đối với phần này.

9. Về chi phí tố tụng:

Cụ Đỗ Thị D phải chịu 10.206.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản (đã nộp và quyết toán xong).

Bà Đào Thanh P phải chịu 15.942.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ và thẩm định giá tài sản (đã nộp và quyết toán 5.736.000đ).

Buộc bà Đào Thanh P có trách nhiệm thanh toán cho cụ Đỗ Thị D số tiền 10.206.000đ (mười triệu hai trăm lẻ sáu nghìn đồng).

10. Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm cho cụ Đỗ Thị D. Cụ D được nhận lại số tiền 10.000.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001688 ngày 02/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Lâm Đồng.

Bà Đào Thanh P phải chịu 31.773.000đ án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011837 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, bà P còn phải nộp 31.473.000đ án phí.

+ Án phí phúc thẩm:

Bà Đào Thanh P và anh Đào Đức T không phải chịu án phí Dân sự phúc thẩm.

Anh Đào Đức T được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0011892 ngày 01/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh Lâm Đồng, anh T đã nộp đủ án phí.

11. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV & THA TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự (06);
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Châu Thạch